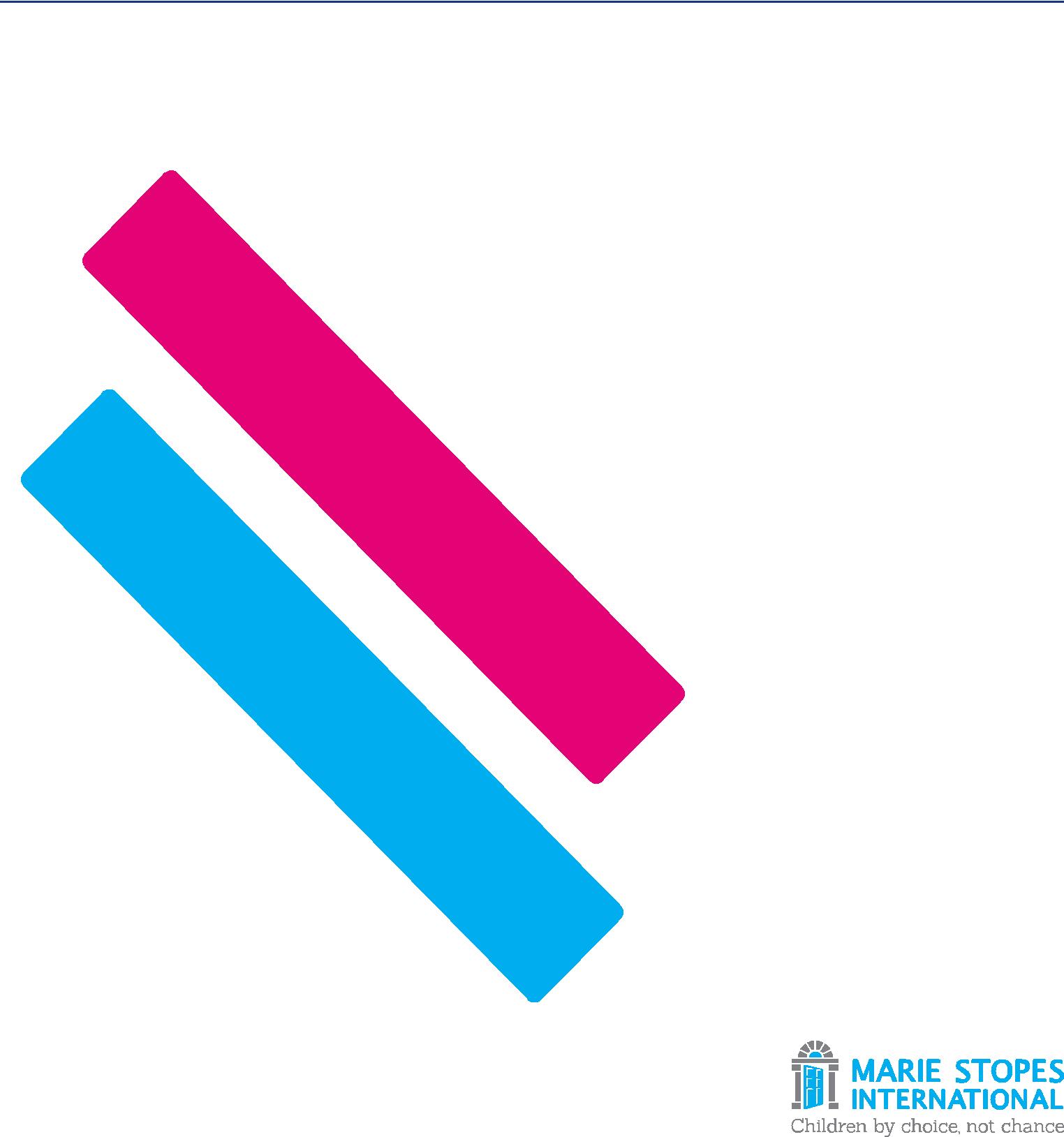
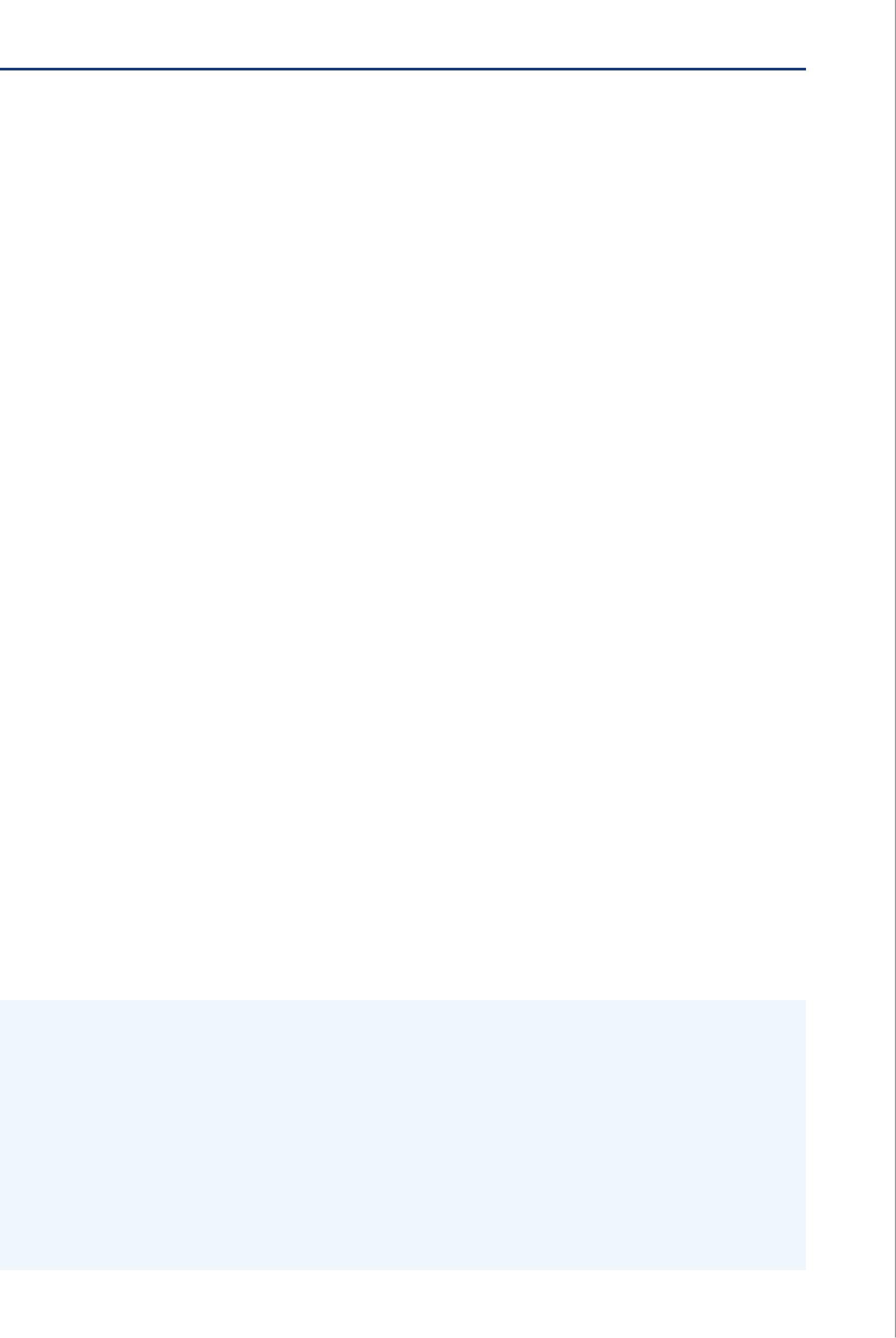
**HƯỚNG DẪN MSI 2019**

**DỊCH VỤ CẤY TRÁNH THAI**





Tên chính sách hoặc quy trình: Hướng dẫn cung cấp dịch vụ cấy tránh thai

|  |  |
| --- | --- |
| Phiên bản: | V2.0 |
|  |  |
| Đối tượng áp dụng: | Tất cả Người Cung cấp Dịch vụ của MSI |
|  |  |
| Người phê duyệt: | Giám đốc Kỹ thuật Toàn cầu |
|  |  |
| Ngày ban hành: | Tháng 1 năm 2019 |
|  |  |
| Ngày sửa đổi: | Tháng 1 năm 2022 |

Chịu trách nhiệm: Nhóm Phát triển Dịch vụ Y tế

Mục lục

[MSI: Hướng dẫn cung cấp dịch vụ 5](#_Toc3236587)

[thuốc cấy tránh thai 5](#_Toc3236588)

[Mục tiêu 5](#_Toc3236589)

[Cấu trúc của tài liệu 5](#_Toc3236590)

[1.0 Có cơ sở vật chất, trang thiết bị thích hợp 6](#_Toc3236591)

[1.1 Những điểm chính 6](#_Toc3236592)

[1.1.1 Cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ, thích hợp 6](#_Toc3236593)

[1.1.2 Thuốc cấy thích hợp 7](#_Toc3236594)

[1.2 Nguy cơ chính 8](#_Toc3236595)

[2.0 Xác định khách hàng phù hợp 9](#_Toc3236596)

[2.1 Những điểm chính 9](#_Toc3236597)

[2.1.1 Khẳng định thuốc cấy tránh thai phù hợp với khách hàng 9](#_Toc3236598)

[2.1.2 Khách hàng ký giấy cam đoan tự nguyện sử dụng thuốc cấy tránh thai 9](#_Toc3236599)

[2.2 Nguy cơ chính 11](#_Toc3236600)

[3.0 Cấy thuốc tránh thai 12](#_Toc3236601)

[3.1 Những điểm chính 12](#_Toc3236602)

[3.2 Nguy cơ chính 12](#_Toc3236603)

[4.0 Hoàn thành phần thăm khám và tư vấn 13](#_Toc3236604)

[4.1 Những điểm chính 13](#_Toc3236605)

[4.1.1 Những khía cạnh chính liên quan đến thuốc cấy tránh thai và tác dụng của thuốc cấy tránh thai 13](#_Toc3236606)

[4.1.2 Hoàn thiện hồ sơ khách hàng 15](#_Toc3236607)

[4.2 Nguy cơ chính 15](#_Toc3236608)

[5.0 Tháo nang cấy tránh thai 16](#_Toc3236609)

[5.1 Những điểm chính 16](#_Toc3236610)

[5.2 Nguy cơ chính 16](#_Toc3236611)

[Phụ lục 18](#_Toc3236612)

[Phụ lục 1a: Thu thập cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ của khách hàng 18](#_Toc3236613)

[Phụ lục 1b: Mẫu giấy cam đoan tự nguyện sử dụng thuốc cấy tránh thai 19](#_Toc3236614)

[Phụ lục 1c: Bảng kiểm loại trừ có thai 20](#_Toc3236615)

[Phụ lục 1d: Xác định thuốc cấy tránh thai an toàn cho người sử dụng 21](#_Toc3236616)

[Phụ lục 2a: Cấy thuốc tránh thai Implanon NXT/Nexplanon 1 que 23](#_Toc3236617)

[Phụ lục 2b: Cấy thuốc tránh thai Jadelle/Sino-Implant II/Levoplant loại 2 que 25](#_Toc3236618)

[Phụ lục 3: Tai biến đáng lưu ý khi dùng thuốc cấy tránh thai và cách xử trí 28](#_Toc3236619)

[Phụ lục 4: Tháo nang cấy tránh thai 30](#_Toc3236620)

[Phụ lục 5: Bảng kiểm năng lực chuyên môn cần thiết của người cung cấp dịch vụ thuốc cấy tránh thai 33](#_Toc3236621)

[Phụ lục 6: Danh mục trang thiết bị và dụng cụ 37](#_Toc3236622)

[Phụ lục 7: Xử trí các trường hợp không tìm thấy nang cấy tránh thai 38](#_Toc3236623)

[Phụ lục 8: Mẫu phiếu cấy thuốc tránh thai 39](#_Toc3236624)

[Tài liệu tham khảo, bao gồm biểu đồ 40](#_Toc3236625)

# MSI: Hướng dẫn cung cấp dịch vụ

# Cấy tránh thai

## Mục tiêu

Hướng dẫn này được biên soạn nhằm nhấn mạnh kiến thức và kỹ năng cốt lõi cần thiết để cung cấp dịch vụ thuốc cấy tránh thai.

Tài liệu này được thiết kế dành cho người cung cấp dịch vụ (NCCDV) ở tất cả các tuyến như một phần của phương pháp tiếp cận “chia sẻ nhiệm vụ” vì tài liệu này đưa ra hướng dẫn đã được đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn cho người sử dụng biện pháp tránh thai (BPTT) này.

Để có thêm thông tin, vui lòng xem Danh mục tài liệu tham khảo cuối tài liệu hướng dẫn này.

## Cấu trúc của tài liệu

Tài liệu này được thiết kế với các bước trong quy trình cung cấp dịch vụ thuốc cấy tránh thai. Tham khảo phương tiện hỗ trợ và thông tin mang tính thực tiễn về chi tiết cách cấy và tháo que thuốc cấy tránh thai trong Phụ lục.

Tài liệu hướng dẫn này thay thế cuốn Hướng dẫn của MSI về Thuốc cấy tránh thai phiên bản V1.0.

**Những thay đổi chính của hướng dẫn này bao gồm:**

* Cập nhật thông tin về đặc điểm thuốc cấy tránh thai (trang 6)
* Cập nhật những Điểm chính trong việc Xác định Khách hàng Phù hợp (trang 7)
* Bảng kiểm loại trừ khả năng mang thai của khách hàng (Phụ lục 1c, trang 17)
* Đảm bảo khách hàng có đủ điều kiện sử dụng thuốc cấy tránh thai (Phụ lục 1d, trg 18)
* Cập nhật quy trình tháo que thuốc cấy (Phụ lục 4, trang 27)
* Cập nhật bảng kiểm đánh giá năng lực người NCCDV (Phụ lục 5, trang 29)
* Trang thiết bị, dụng cụ, vật tư để cấy và tháo nang cấy tránh thai (Phụ lục 6, trang 34)

# Cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp

## 1.1 Những điểm chính

* Cấy và tháo nang cấy tránh thai là thủ thuật đơn giản khi được thực hiện bởi người cung cấp dịch vụ (NCCDV) có năng lực và đáp ứng yêu cầu (theo quy định của quốc gia).

### 1.1.1 Cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ, thích hợp

Để cấy thuốc tránh thai, bạn cần:

* NCCDV có đủ năng lực và đáp ứng yêu cầu
* Cơ sở vật chất, không gian phù hợp, sản phẩm, và trang thiết bị cần thiết để làm tiểu phẫu
* Có không gian đảm bảo tính riêng tư để khách hàng nằm
* Có đủ vật tư, trang thiết bị, dụng cụ để đặt và tháo thuốc cấy tránh thai
* Phương tiện, dụng cụ, vật tư dự phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn: một thùng đựng rác thải có nắp đậy, có lớp lót bằng chất liệu không thấm nước, sử dụng một lần để đựng chất thải y tế, thiết bị rửa tay, hộp chống đâm xuyên để chứa chất thải sắc nhọn, cồn xát tay và dung dịch sát khuẩn
* Khay đựng vật dụng, phương tiện cấp cứu để sử dụng trong các tình huống cấp cứu y tế thông thường theo Hướng dẫn của MSI về xử trí Cấp cứu nội khoa
* Nguồn cung ứng liên tục các sản phẩm và trang thiết bị đã được MSI phê chuẩn. Vui lòng tham khảo thêm Quy trình Mua sắm của MSI về quản lý cung ứng.

### 1.1.2 Thuốc cấy thích hợp

Một số thuốc trong danh mục thuốc cấy tránh thai dưới đây có thể có sẵn tại các phòng khám của MSI:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thuốc cấy** | **Đặc điểm** | **Hàm lượng** |
| Nexplanon/Implanon  NXT | Một nang cấy nhỏ, có tác dụng tránh thai 3 năm  Sulphat Bari (chất cản quang) có trong nang cấy tránh thai  Nexplanon/Implanon  NXT giúp phát hiện nang cấy bằng tia X – quang; dấu hiệu trên nang cấy giảm nguy cơ bị cấy quá sâu trong da và giúp cho việc cấy **một bên tay** dễ dàng hơn | 68 mg etonogestrel |
| Jadelle | Hai nang cấy nhỏ, có tác dụng tránh thai 5 năm | 2 que x 75 mg levonorgestrel |
| Levoplant (Sino-Implant II)\* | Hai nang cấy nhỏ, có tác dụng tránh thai 3 năm | 2 que x 75 mg levonorgestrel |

|  |  |
| --- | --- |
| \* Ở một số quốc gia, Sino-Implant II/Levoplant được cấp phép cấy trong 4 năm. Nếu điều này được áp dụng ở quốc gia của bạn, vui lòng trao đổi với Nhóm Phát triển Dịch vụ Y tế | 1.2 Nguy cơ chính Sử dụng sản phẩm, trang thiết bị, dụng cụ đã bị hỏng, hết hạn, chất lượng kém hoặc là hàng giả sẽ đe dọa tính an toàn cho khách hàng, đồng thời làm tăng nguy cơ tai biến. |

* Đảm bảo chất lượng sản phẩm không bị ảnh hưởng trong khi cung cấp, bảo quản sản phẩm; khuyến cáo về điều kiện bảo quản của nhà sản xuất trên bao bì sản phẩm được tuân thủ
* Đảm bảo thuốc cấy được bảo quản ở nhiệt độ < 25°C; thuốc cấy còn hạn sử dụng
* Ngày hết hạn của thuốc cấy tránh thai là ngày cuối cùng nang cấy có thể được đặt vào cách tay của người phụ nữ có tác dụng tránh thai đã đăng ký
* Loại bỏ mọi sản phẩm bạn nghi ngờ bị kém chất lượng

6

# 2.0 Xác định khách hàng phù hợp

## 2.1 Những điểm chính

Để xác định một khách hàng có phù hợp với thuốc cấy tránh thai hay không, bạn cần:

* Khẳng định là thuốc cấy tránh thai an toàn với khách hàng đó
* Có cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ của khách hàng

### 2.1.1 Khẳng định thuốc cấy tránh thai phù hợp với khách hàng

Hầu hết phụ nữ (bao gồm vị thành niên, người chưa kết hôn, người chưa sinh con) phù hợp với BPTT này

* Hỏi tiền sử bệnh tật và tình dục một cách đầy đủ, cẩn thận
* Khám thực thể (bao gồm khám bằng hai tay) cho khách hàng
* Hỏi câu hỏi phù hợp để loại trừ có thai và khẳng định khách hàng phù hợp với thuốc cấy tránh thai trước khi thực hiện (sử dụng bảng kiểm sàng lọc khách hàng trong Phụ lục 2a)
* Không cần làm xét nghiệm trước khi cấy thuốc tránh thai, trừ những trường hợp sau:
* Nghi ngờ khách hàng có thai: cần xét nghiệm thai cho khách hàng
* Khách hàng có triệu chứng NKLQĐTD: cần xét nghiệm và điều trị NKLQĐTD. Chuyển tuyến điều trị (nếu cần) và hẹn khách hàng trở lại cơ sở của bạn để cấy thuốc tránh thai sau khi điều trị thích hợp
* Khách hàng bị thiếu máu*:* cần xét nghiệm Hemoglobin (Hb). Người sử dụng thuốc cấy tránh thai có xu hướng kinh nguyệt kéo dài hơn và/hoặc ra nhiều máu kinh nhiều hơn bình thường trong một vài tháng đầu có thể làm cho tình trạng thiếu máu trầm trọng hơn

### 2.1.2 Khách hàng ký giấy cam đoan tự nguyện sử dụng thuốc cấy tránh thai

* Giới thiệu cho khách hàng các BPTT phù hợp với lối sống và nhu cầu y tế của họ
* Yêu cầu khách hàng ký Giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ theo Hướng dẫn Tư vấn cho Khách hàng và Giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ của MSI. Tham khảo mẫu giấy cam đoan trong Phụ lục 1b
* Thông tin cần cung cấp để tư vấn cho khách hàng cấy thuốc tránh thai có trong Phụ lục 1a
* Chính sách của MSI yêu cầu khách hàng phải ký Giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ trước khi cấy thuốc tránh thai

## 2.2 Nguy cơ chính

* Nếu khách hàng không hiểu cơ chế tác dụng hoặc hạn chế của thuốc cấy tránh thai, khách hàng có thể:
* Yêu cầu tháo nang cấy tránh thai khi xuất hiện tác dụng ngoại ý
* Không trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ để tháo nang cấy khi thuốc cấy hết hạn (và khi đó khách hàng có nguy cơ mang thai)
* Có nguy cơ phơi nhiễm NKLQĐTD
* Nếu khách hàng không được sàng lọc triệt để về những tiêu chuẩn y tế như đã nêu trong Phụ lục 1d, thuốc cấy tránh thai có thể gây tác hại cho sức khỏe của họ

# 3.0 Cấy tránh thai

## 3.1 Những điểm chính

* **Thuốc cấy tránh thai là một que nhỏ làm bằng chất dẻo** được cấy dưới da mặt trong cánh tay.
* Tốt nhất là cấy thuốc tránh thai trong vòng 5 ngày đầu của chu kỳ kinh, tuy nhiên, có thể cấy bất kể thời điểm nào nếu bạn chắc chắn một cách có lý là khách hàng không có thai (xem Bảng kiểm loại trừ có thai trong Phụ lục 1c)
* Nếu khách hàng được cấy thuốc tránh thai sau 5 ngày đầu của chu kỳ kinh và loại trừ khả năng có thai, bạn cần cung cấp cho họ bao cao su để dùng trong 7 ngày.
* Có thể cấy thuốc tránh thai ngay sau nạo phá thai (cùng ngày nạo phá thai ngoại khoa hoặc trong ngày dùng viên đầu tiên phá thai bằng thuốc/nội khoa). Nếu cấy sau 5 ngày sau nạo phá thai, cần phải loại trừ khả năng có thai và dùng BPTT hỗ trợ trong vòng 7 ngày
* Có thể cấy thuốc tránh thai ngay sau khi sinh, ngay cả khi khách hàng nuôi con bằng sữa mẹ. Tuy nhiên, nếu cấy sau ngày 21 sau sinh, cần phải loại trừ khả năng có thai và dùng BPTT hỗ trợ trong vòng 7 ngày. Riêng thuốc cấy tránh thai Levoplant (Sino-Implant II) không nên dùng cho người nuôi con bằng sữa mẹ trong giai đoạn dưới 6 tuần sau sinh
* Trong lần cấy thuốc tránh thai đầu tiên, tốt nhất là cấy vào cánh tay không thuận của khách hàng
* Thuốc cấy tránh thai chỉ sử dụng một lần
* Mỗi loại thuốc cấy tránh thai có hướng dẫn cách cấy riêng của nhà sản xuất. Chi tiết cách cấy thuốc tránh thai có trong Phụ lục 2
* Sử dụng bộ dụng cụ cấy và tháo nang cấy tránh thai đã được MSI phê duyệt

## 3.2 Nguy cơ chính

* **Để nang cấy tránh thai đã mở bao bì trên săng vô khuẩn** có thể làm sợi vải dính vào thuốc cấy tránh thai, gây phản ứng khi cấy trong da. Hãy đặt nang cấy đã mở bao bì vào Galipot thứ hai trong bộ dụng cụ cấy/tháo nang cấy tránh thai.
* **Cấy thuốc tránh thai quá sâu c**ó thể gây đau, nguy cơ làm tổn thương cấu trúc quan trọng dưới da như dây thần kinh, mạch máu, làm cho việc tháo que trở nên khó khăn và que có thể di chuyển đến vị trí khác.
* Cấy thuốc tránh thai quá gần khuỷu tay có thể gây đau, nguy cơ làm tổn thương cấu trúc quan trọng, gây kích ứng cho khách hàng, làm cho khách hàng có thể cảm nhận được hoặc vướng vào quần áo
* Nhiễm khuẩn da có thể xảy ra khi vị trí cấy/tháo thuốc tránh thai không được giữ sạch sẽ và/hoặc nang cấy không được lấy bằng kẹp hoặc găng vô khuẩn
* Phản ứng phản vệ hiếm gặp nhưng vẫn có thể xảy ra. NCCDV phải có khả năng phát hiện và xử trí tình huống đó theo *Hướng dẫn của MSI về Xử trí Cấp cứu nội khoa*

# 4.0 Hoàn thành phần thăm khám và tư vấn

## 4.1 Những điểm chính

Sau khi cấy thuốc tránh thai, bạn cần:

* Đảm bảo khách hàng hiểu những khía cạnh chính liên quan đến thuốc cấy tránh thai, tác dụng của thuốc cấy tránh thai
* Đảm bảo khách hàng trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ để tái khám, theo dõi khi có bất kỳ vấn đề hoặc câu hỏi nào
* Cung cấp bao cao su để dự phòng NKLQĐTD và cho mục đích bảo vệ kép
* Hoàn thành hồ sơ khách hàng

### 4.1.1 Cấy tránh thai và tác dụng của thuốc cấy tránh thai

* Trước khi rời cơ sở cung cấp dịch vụ, khách hàng cần được theo dõi 15-20 phút sau khi cấy để có thể phát hiện dấu hiệu choáng hoặc chảy máu
* Khách hàng cần giữ vị trí cấy thuốc sạch sẽ, khô ráo trong vòng 4 ngày để tránh nhiễm khuẩn. Có thể tháo băng hoặc gạc sau 2 ngày và tháo băng dính sau 5 ngày cấy thuốc.
* Sau khi cấy thuốc tránh thai, khách hàng có thể cảm thấy hơi khó chịu và bầm tím ở vị trí cấy. Tuy nhiên, khách hàng cần trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ nếu có dấu hiệu nhiễm khuẩn, máu tụ ở vùng cấy hoặc biến chứng khác
* Khách hàng cần sử dụng BPTT dự phòng (ví dụ: bao cao su) trong 7 ngày nếu nang cấy tránh thai được cấy sau 5 ngày kể từ ngày đầu kỳ kinh
* Khách hàng cần hiểu thời gian thuốc cấy tránh thai có tác dụng tránh thai. Sau thời gian đó, khách hàng không được bảo vệ và phải trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ để thay que tránh thai khác hoặc chuyển sang BPTT khác.
* Đặt lịch hẹn với khách hàng để trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ:

Sau 3 năm đối với Implanon NXT/Nexplanon và Levoplant (Sino-implant II)

Sau 5 năm đối với Jadelle

* Thông thường, không cần thiết trở lại tái khám sau khi cấy. Tuy nhiên, khách hàng cần trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm hỗ trợ y tế nếu có tác dụng ngoại ý không thể chịu đựng được hoặc nếu có vấn đề gì. Những vấn đề phổ biến và các bước cần thực hiện có trong Phụ lục 3
* **Khách hàng phải hiểu rằng thay đổi về kinh nguyệt là hiện tượng phổ biến nhưng không gây tác hại.** Khách hàng có thể bị rối loạn kinh nguyệt, ra máu kéo dài trong năm đầu tiên, sau đó sẽ chu kỳ kinh nguyệt sẽ điều hòa hơn, ra máu ít hơn hoặc vô kinh
* Nhắc khách hàng: nhiều tác dụng ngoại ý sẽ được khắc phục trong vòng vài tháng. Tuy nhiên, thay đổi về chu kỳ kinh nguyệt có xu hướng không đều
* Nhắc khách hàng: thuốc cấy tránh thai không giúp phòng tránh NKLQĐTD

### 4.1.2 Hoàn thiện hồ sơ khách hàng

* Giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ khi có đủ thông tin phải được khách hàng ký tên/đánh dấu
* Thông tin chính cần ghi lại trong hồ sơ:
* Kết quả hỏi tiền sử bệnh tật, khám thực thể
* Ngày cấy thuốc tránh thai, chi tiết việc cấy, sự cố (nếu có)
* xem mẫu hồ sơ khách hàng cấy thuốc tránh thai trong Phụ lục 8
* Loại que tránh thai đã cấy, số lô sản xuất, hạn sử dụng, vị trí đã cấy thuốc, tên thuốc, loại thuốc, lượng thuốc gây tê đã dùng
* Khách hàng sờ thấy 2 đầu của nang cấy sau khi hoàn thành thủ thuật
* Vẽ sơ đồ vị trí que cấy
* Nếu có phiếu ghi thông tin kèm theo thuốc cấy tránh thai, cần hoàn thiện phiếu ghi thông tin đó

## 4.2 Nguy cơ chính

* Nếu khách hàng không hiểu cơ chế tác dụng hoặc những hạn chế của thuốc cấy tránh thai, họ có thể yêu cầu tháo nang cấy tránh thai và có nguy cơ mang thai ngoài ý muốn.
* Nếu khách hàng hiểu những dấu hiệu cảnh báo tai biến, họ có thể chậm trễ trong việc tìm kiếm giúp đỡ khi cần
* Nếu chi tiết việc cấy thuốc tránh thai không được ghi vào hồ sơ và phiếu ghi thông tin, có thể gây khó khăn cho việc xác định những thông tin sau:

– Loại thuốc nào đã được cấy, thuốc cấy tránh thai đã được cấy ở vị trí nào

– Thuốc cấy được cấy vào lúc nào và khi nào hết hạn

* Nếu thông tin nói trên và không được tài liệu hóa đầy đủ, sẽ rất khó để cung cấp đủ bằng chứng về việc thủ thuật đã được thực hiện tuân thủ quy trình hay không nếu có khiếu nại

# 5.0 Tháo Que/nang cấy tránh thai

## 5.1 Những điểm chính

* Có thể tháo nang cấy tránh thai bất kể lúc nào – khi thuốc hết hạn hoặc theo yêu cầu của khách hàng
* Thuốc cấy tránh thai có tác dụng tránh thai 3 – 5 năm tùy loại thuốc cấy - sau thời hạn này, cần phải thay que khác
* Cần tháo ngay nang cấy tránh thai khi khách hàng được xác định có thai
* Kỹ thuật tháo nang cấy tránh thai là thủ thuật nhỏ, tương tự nhau đối với tất cả các loại thuốc cấy. Chi tiết quy trình tháo nang cấy tránh thai có trong Phụ lục 4.
* Nếu không sờ thấy que tránh thai, phải chuyển ngay khách hàng đến cơ sở cung cấp dịch vụ thuốc cấy tránh thai để siêu âm hoặc X-quang. Hướng dẫn cách xử trí nang cấy khi không sờ thấy có trong Phụ lục 7.
* Khách hàng không được tự ý tháo nang cấy tránh thai khi không sờ thấy
* Nếu thay nang cấy tránh thai, nên cấy ở vị trí cấy que cũ nếu nang cấy được tháo đúng kỹ thuật. Nếu không, nang cấy mới nên được cấy ở gần vị trí nang cấy cũ hoặc tương ứng ở cánh tay khác
* Nếu khách hàng quyết định chuyển sang BPTT khác sau khi tháo que cấy, khách hàng cần được tư vấn về các sự lựa chọn tránh thai khác nhau

## 5.2 Nguy cơ chính

* **Nguy cơ nhiễm khuẩn**

– *Vị trí phải được giữ sạch sẽ nhất có thể* *và kỹ thuật cấy thuốc tránh thai phải được thực hiện vô khuẩn*

* **Gây tổn thương mô tại vị trí cấy**
* Nếu không sờ thấy nang cấy tránh thai, KHÔNG ĐƯỢC cố gắng “đào bới” để tìm*.* Chuyển tuyến khách hàng để xác định vị trí và tháo nang cấy tránh thai
* **Khách hàng thất bại trong việc tránh thai:**

– Ngay sau khi tháo nang cấy tránh thai, khả năng thụ thai của khách hàng hồi phục. Nếu khách hàng vẫn có nhu cầu tránh thai, cần đảm bảo cung cấp BPTT thường xuyên khác thay thế.

# Phụ lục

## Phụ lục 1a: Tự nguyện sử dụng dịch vụ cấy tránh thai

Một số điểm cụ thể liên quan đến thuốc cấy tránh thai cần được đề cập trong quá trình thu thập cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ khi có đủ thông tin của khách hàng:

* Thuốc cấy tránh thai là một BPTT dài hạn có hồi phục
* BPTT dài hạn có hồi phục là những BPTT lý tưởng cho những khách hàng không thể hoặc không muốn ghi nhớ việc thực hiện thường xuyên và mong muốn trì hoãn việc sinh con
* Thuốc cấy tránh thai là một trong những BPTT có hồi phục hiệu quả nhất, tuy nhiên vẫn có một tỷ lệ thất bại thấp.
* Trong 1000 khách hàng sử dụng thuốc cấy tránh thai, chưa tới 1 phụ nữ thất bại (mang thai) trong năm đầu tiên sử dụng (tỷ lệ thất bại: 0,05%)
* Tỷ lệ thất bại cao hơn ở những khách hàng đang dùng một số thuốc (ví dụ thuốc điều trị lao, nhiễm HIV, động kinh/co giật). Cần thận trọng hơn trong khi sử dụng các thuốc này và trong thời gian 28 ngày sau khi ngừng thuốc.
* Thuốc cấy tránh thai chứa một lượng hormone được giải phóng chậm vào cơ thể (progesteron)
  + Hormone được giải phóng dần vào cơ thể
  + Thuốc cấy tránh thai được cấy vào cơ thể và tồn tại ở đó trong thời gian 3-5 năm:
  + Thuốc cấy tránh thai Nexplanon (Implanon NXT và Levoplant (Sino-implant II) có tác dụng tránh thai trong 3 năm
  + Thuốc cấy tránh thai Jadelle có tác dụng tránh thai trong 5 năm
* Hormone có một số tác dụng đối với cơ thể.
* Hormone tránh thai bằng cơ chế ức chế rụng trứng. Hormone đồng thời làm đặc chất nhầy ở cổ tử cung, ngăn không cho tinh trùng di chuyển vào tử cung. Những thay đổi này có thể hồi phục, nghĩa là thay đổi xảy ra khi thuốc cấy tránh thai được cấy, sau khi tháo que cấy, khách hàng có thể có thai khi quan hệ tình dục.
* Thuốc cấy tránh thai có thể gây ra tác dụng ngoại ý: thay đổi về kinh nguyệt, thay đổi về da (mụn trứng cá), đau đầu, cương vú, thay đổi trạng thái tâm lý
* Đặt và tháo nang cấy tránh thai là thủ thuật đơn giản
* Thuốc cấy tránh thai được cấy dưới da mặt trong cánh tay, có sử dụng gây tê tại chỗ
* Đôi khi thủ thuật có thể gây đau, chảy máu và/hoặc nhiễm khuẩn sau khi cấy
* Những sự cố ít xảy ra: không cấy được, cấy quá sâu, tổn thương dây thần kinh hoặc mạch máu
* Thuốc cấy tránh thai không giúp phòng ngừa NKLQĐTD
* Có thể tháo nang cấy tránh thai bất kể lúc nào khách hàng không cảm thấy thoải mái.

## Phụ lục 1b: Mẫu Phiếu Tự nguyện sử dụng Thuốc cấy tránh thai

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu tự nguyện cấy tránh thai sau khi được cung cấp thông tin** | | |
| Tôi, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *(họ tên khách hàng)*, đồng ý cấy thuốc tránh thai. | |  |
| **Tôi khẳng định đã được nghe NCCDV giải thích những nội dung sau đây:** | |  |
| Các BPTT khác bao gồm nguy cơ và lợi ích của các BPTT đó | | **** |
| Thuốc cấy tránh thai gồm 1 hoặc 2 que nhỏ bằng chất dẻo được cấy vào mặt trong cánh tay | | **** |
| Thuốc cấy tránh thai giải phóng lượng nhỏ progesteron tác dụng cản trở tinh trùng gặp trứng | | **** |
| Thuốc cấy tránh thai phải được tháo ra trước ngày \_\_\_/\_\_\_\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_\_\_\_ | | **** |
| **Lợi ích của thuốc cấy tránh thai** | |  |
| Thuận tiện: không phải ghi nhớ việc uống thuốc, có tác dụng tránh thai 3 - 5 năm | | **** |
| Là một trong những BPTT có hiệu quả tránh thai cao nhất (> 99%) | | **** |
| Khả năng thụ thai của tôi có thể hồi phục ngay sau khi tháo nang cấy tránh thai | | **** |
| **Nguy cơ/bất lợi của thuốc cấy tránh thai** | |  |
| Có thể gây rối loạn kinh nguyệt, ra ít máu kinh hoặc vô kinh | | **** |
| Tôi có thể bị mụn trứng cá, cương vú, thay đổi trạng thái tâm lý | | **** |
| Có thể bị đau, chảy máu, nhiễm khuẩn khi cấy và tháo nang cấy tránh thai | | **** |
| Sau khi cấy và tháo nang cấy tránh thai, vùng cấy sẽ để lại vết sẹo nhỏ | | **** |
| Cấy tránh thai có hiệu quả rất cao, nhưng vẫn có tỷ lệ thất bại (mang thai) (<1/100) | | **** |
| Cấy tránh thai không có tác dụng phòng tránh NKLQĐTD | | **** |
| Cấy và tháo nang cấy tránh thai có thể làm tổn thương dây thần kinh hoặc mạch máu | | **** |
| Hiệu quả tránh thai của thuốc cấy tránh thai giảm đi nếu dùng đồng thời các thuốc điều trị HIV, lao, động kinh/co giật | | **** |
| **Tôi hiểu rằng** | |  |
| Tôi không có khả năng thụ thai kể từ khi cấy thuốc tránh thai | | **** |
| Cấy và tháo nang cấy tránh thai là thủ thuật nhỏ và yêu cầu dùng thuốc tê tại chỗ | | **** |
| Tôi có thể sờ thấy nang cấy tránh thai dưới da | | **** |
| Khi nào tôi cần trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ khi có vấn đề bất thường, khi cần tháo hoặc cấy nang cấy tránh thai khác và tôi có thể đi đến đâu để nhận dịch vụ | | **** |
| Tôi phải thông báo cho NCCDV ngay nếu tôi không sờ thấy nang cấy tránh thai | | **** |
| Tôi đồng ý thực hiện thủ thuật kể trên, tôi đã được giải thích rằng tôi có thể/không có khả năng thụ thai *(khoanh tròn phương án trả lời thích hợp)* vì hôm nay là ngày thứ \_\_\_ kể từ ngày đầu kỳ kinh cuối của tôi. Nếu tôi không thấy kinh trong chu kỳ tới như thường lệ, tôi được tư vấn cần phải làm xét nghiệm thai | | |
| Họ tên khách hàng:…………………………………….  Ký tên: ………………………………………………….. | Ngày: ………..………… |  |
| Họ tên người cung cấp dịch vụ……………………….  Ký tên:………………………………………………….. | Ngày: ………..………… |  |
| **Nếu khách hàng không biết đọc, biết viết, hoặc không có đủ năng lực trí tuệ, cần có một người làm chứng do khách hàng chọn (tốt nhất là cùng giới tính với khách hàng) là người nói cùng ngôn ngữ với khách hàng để ký tuyên bố dưới đây:**  Tôi – ký tên dưới đây, xác nhận rằng khách hàng đã điểm chỉ hoặc đánh dấu với sự chứng kiến của tôi. | | |
| Họ tên người làm chứng:……………………………… | Ngày: ………..………… | |
| Ký tên:………………………… |  | |

## 

## Phụ lục 1c: Bảng kiểm loại trừ có thai

Hỏi khách hàng các câu hỏi 1-6. Ngay khi khách hàng trả lời “**CÓ”** cho ***bất kể câu hỏi nào***, hãy dừng ngay và làm theo hướng dẫn:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | KHÔNG | 1. Kỳ inh cuối của chị bắt đầu trong vòng 7 ngày trước có phải không?\* | | | CÓ |  |
| KHÔNG | 1. Chị có KIÊNG quan hệ tình dục kể từ kỳ kinh cuối hoặc từ khi sinh con gần nhất không? | | | CÓ |
| KHÔNG | 1. Chị đã và đang sử dụng BPTT đáng tin cậy thường xuyên và đúng cách kể từ kỳ kinh cuối hoặc từ khi sinh con gần nhất có phải không? | | | CÓ |
| KHÔNG | 1. Chị mới sinh con trong vòng 4 tuần qua có phải không? | | | CÓ |
| KHÔNG | 1. Trong 6 tháng qua, chị đã sinh con: chị nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn và chị chưa thấy kinh nguyệt kể từ lúc sinh con phải không? | | | CÓ |
| KHÔNG | 1. Trong 7 ngày qua, chị có bị sẩy thai hoặc nạo phá thai không? | | | CÓ |
| *Nếu khách hàng có kế hoạch dùng dụng cụ tử cung (DCTC), 7 ngày “cửa sổ” được thay bằng 12 ngày* | | | | | | | |
| Nếu khách hàng trả lời **KHÔNG** cho tất cả các câu hỏi, không thể loại trừ khách hàng hiện tại có thai với bảng kiểm này.  Hãy dùng cách khác để loại trừ có thai. Cung cấp bao cao su cho khách hàng sử dụng cho đến khi đảm bảo chắc chắn là khách hàng không có thai | | |  | Nếu khách hàng trả lời **CÓ cho ít nhất 1 *câu hỏi,*** và không có dấu hiệu hoặc triệu chứng có thai, bạn có thể chắc chắn là hiện thai khách hàng không có thai | | | |
| *Nếu khách hàng lo ngại mang thai ngoài ý muốn, bạn nên cung cấp cho khách hàng BPTT khẩn cấp nếu họ có quan hệ tình dục không được bảo vệ kể từ kỳ kinh cuối trong vòng 5 ngày qua* | | | | | | | |
|  | | |  | © 2015 | | | |
|  | | |  |

## Phụ lục 1d: Xác định an toàn cho Khách hàng

**Xác định thuốc cấy tránh thai phù hợp với khách hàng**

* Phần lớn khách hàng muốn sử dụng thuốc cấy tránh thai phù hợp với BPTT này. Tuy nhiên, bạn cần hỏi **5** câu hỏi về y tế để xác định tính phù hợp của họ (nguồn: WHOMEC 2015).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Khách hàng trả lời** | **Lý do sử dụng thuốc cấy tránh thai** **không an toàn trong trường hợp này** | |
| 1. Hiện tại chị **có thai** hoặc nghi ngờ có thai không? | Nếu khách hàng trả lời “**có**”: khách hàng **không** phù hợp với BPTT này. Bạn cần cố gắng xác định chính xác liệu khách hàng có thai hay không, sử dụng bảng kiểm trong Phụ lục 1c. | Khách hàng không nên dùng thuốc cấy tránh thai nếu khách hàng đang có thai hoặc nghi ngờ có thai | |
| 2. Chị có bị **ra máu âm đạo** bất thường không? | Nếu khách hàng trả lời “**có”**: khách hàng **không** phù hợp với thuốc cấy tránh thai cho đến khi được khai thác thông tin đầy đủ. Nên đánh giá chuyển tuyến để được đánh giá thêm | Ra máu không rõ nguyên nhân có thể là dấu hiệu của bệnh nghiêm trọng, cần phải được thăm khám triệt để  Khách hàng có thai không nên dùng thuốc cấy tránh thai | |
| 3. Chị đã bao giờ bị **bệnh gan** cần điều trị chưa? (ung thư gan hoặc xơ gan) | Nếu khách hàng trả lời **“có**”: khách hàng **không** phù hợp với thuốc cấy tránh thai | Gan bị tổn thương có thể mất khả năng chuyển hóa hormone trong thuốc cấy tránh thai | |
| 4. Chị đã bao giờ bị phát hiện mắc ung thư vú chưa? | Nếu khách hàng trả lời “có”: khách hàng **không** phù hợp với thuốc cấy tránh thai | Hormone trong thuốc cấy tránh thai có thể thúc đẩy sự phát triển của tế bào ung thư | |
| 5. Đã bao giờ chị bị **huyết khối** ở chân hoặc ở phổi chưa? | Nếu khách hàng trả lời “**có**”: khách hàng **không** phù hợp với thuốc cấy tránh thai | Hormone trong thuốc cấy tránh thai có thể làm tăng nguy cơ huyết khối (huyết khối tĩnh mạch sâu và/hoặc tắc mạch phổi) | |
| Nếu khách hàng đang dùng bất kể thuốc nào trong các thuốc dưới đây, không phải là chống chỉ định dùng thuốc cấy tránh thai, tuy nhiên, điều quan trọng là phải nhận thức được rằng các thuốc đó có thể làm giảm hiệu quả của thuốc cấy tránh thai.  **Thuốc điều trị nhiễm HIV:** Efavirenz, nevirapine, ritonavir  **Thuốc điều trị co giật/động kinh:** Carbamazepine, eslicarbazepine, oxcarbazepine, phenobarbital, phenytoin, primidone, rufinamide, topiramate, barbiturates  **Kháng sinh:** Rifabutin, rifampicin  **Thuốc điều trị nấm:** Griseofulvin  **Thuốc điều trị trầm cảm:** St John’s wort  **Các thuốc khác:** Modafinil, bosentan, aprepitant | | | |

## Phụ lục 2a: Cấy Implanon NXT/Nexplanon (1 que/nang)

**Bảng kiểm bộ dụng cụ cấy thuốc tránh thai Nexplanon**

• 1 bút để đánh dấu trên da

• 1 đôi găng vô khuẩn

• Dung dịch sát khuẩn để sát khuẩn da (ví dụ: Betadin)

• 2 ml dung dịch thuốc gây tê tại chỗ

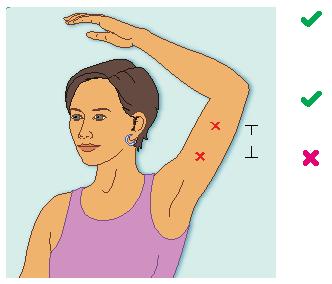
(tốt nhất là Lidocaine 1% không có epinephrine/adrenaline)

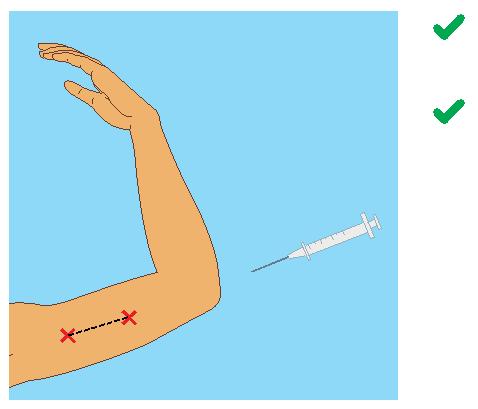
• 1 bơm tiêm 2 ml vô khuẩn vafkim tiêm vô khuẩn để tiêm thuốc tê

• 1 bộ thuốc cấy tránh thai nguyên bao bì, còn hạn sử dụng

**Các bước cấy Thuốc tránh thai Nexplanon**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** |  | Đánh dấu điểm ‘A’ và ‘B’ khoảng 1/3 cánh tay từ dưới lên (khoảng 8-10 cm); 2 điểm này cách nhau 4cm. Không đánh dấu quá gần khuỷu tay hoặc nách |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  | Sắp xếp dụng cụ, vật tư trong khu vực vô khuẩn  Sát khuẩn vùng cấy bằng dung dịch sát khuẩn |  |
|  | **A** |  |
|  | **10cm** |  |  |
| **B** |  |  |
|  |  |
|  |  |  |



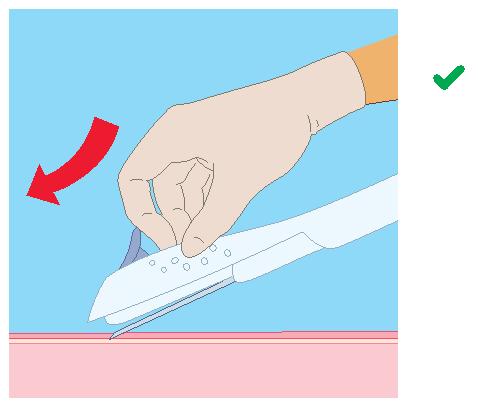
**

|  |  |
| --- | --- |
| ***2*** | Gây tê vùng định cấy bằng lidocain 1% dọc đường cấy |
|  |

*•* 1 miếng băng dính để băng vùng cấy

• Không gian thích hợp để khách hàng ngồi tựa thoải mái, giơ tay cao quá đầu hoặc tựa trên ghế, hoặc nằm ngửa.

*•*  Phương tiện phòng chống nhiễm, khay đựng dụng cụ, phương tiện cấp cứu



TĐĐđâm kim vào da ở điểm A, di chuyển kim đến điểm B

 Không tiêm quá sâu, chỉ tiêm dưới da

* Chờ khoảng 2-3 phút trước khi kiểm tra tác dụng của thuốc tê

**A**

* + - Cầm ống cấy ở vị trí ngay phía trên kim. Căng da vùng cấy. Đặt nang cấy bằng cách đâm kim ngay dưới da ở điểm A (tạo góc khoảng 300 giữa ống cấy và mặt da).
    - Từ từ hạ thấp ống cấy thành tư thế nằm ngang ngay khi kim đâm dưới da

**30°**

**A**

 Không chạm ngón tay vào kim

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **4** |  | * Đẩy nang cấy dưới da từ điểm A đến điểm B, giữ que ở tư thế nằm ngang * Vừa đẩy vừa dùng đầu kim nâng mặt da lên * Không cấy quá sâu. Cấy ngay dưới da |
| **5** |  | * Đẩy kim cấy cho tới khi kim nằm hoàn toàn dướI da * Giữ nguyên pit tông tại chỗ, kéo ống cấy * Không nhấc ống cấy lên cho đến khi khe trượt màu hồng trượt ra ngoài |
| **6** |  | * Bạn và khách hàng nên kiểm tra để chắc chắn có thể cảm thấy nang cấy tránh thai dưới da * Dùng gạc ép lên vùng cấy nếu chảy máu, sau đó băng lại bằng băng dính * Không cố gắng đẩy nang cấy tránh thai nếu nang cấy bị dính bên ngoài da. Nhấc nang cấy ra và lặp lại quy trình cấy với 1 que mới * Theo dõi khách hàng trong 15-20 phút tại chỗ - đề phòng các dấu hiệu chảy máu hoặc ngất; tư vấn cho khách hàng sau khi cấy thuốc tránh thai trước khi ra về |

## Phụ lục 2b: Cấy Jadelle/Sino-Implant II/Levoplant (loại 2 que)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bảng kiểm dụng cụ cấy Jadelle/Sino-Implant II/ Levoplant** | **Các bước cấy Jadelle/Sino-Implant II/ Levoplant** | | |
| • 1 bút để đánh dấu trên da   * 1 thước mẫu dùng để đo * Quy trình các bước cấy thuốc tránh thai Jadelle/Sino-Implant II/Levoplant * 1 đôi găng vô khuẩn * Săng vô khuẩn có lỗ * Săng sạch * 2 bát đựng dung dịch sát khuẩn để sát khuẩn da * 1 khay vô khuẩn để đựng dụng cụ * Dao mổ vô khuẩn * 1 kẹp sát khuẩn * 1 kẹp vô khuẩn * Dung dịch sát khuẩn, bông vô khuẩn   • 2 ml dung dịch thuốc gây tê tại chỗ  (tốt nhất là lidocaine 1% không có epinephrine/ adrenaline)  • 1 bơm tiêm vô khuẩn và 1 kim tiêm vô khuẩn để lấy thuốc tê   * 1 ống cấy nguyên bao bì * 1 dao mổ dự phòng (tùy chọn)   • 1 bộ thuốc cấy JADELLE® or LEVOPLANT® or SINO-IMPLANT II có 2 que nguyên bao bì, còn hạn sử dụng  • 1 miếng băng dính, gạc vô khuẩn và băng ép để băng vùng cấy  • Không gian thích hợp để khách hàng ngồi tựa thoải mái, giơ tay cao quá đầu hoặc tựa trên ghế  *•*  Phương tiện phòng chống nhiễm, khay đựng dụng cụ, phương tiện cấp cứu  (**Sử dụng bộ dụng cụ cấy/tháo nang cấy tránh thai của MSI với dụng cụ, phương tiện thích hợp cho tất cả các quy trình cấy và tháo nang cấy tránh thai)** | 1 |  | * Đánh dấu 2 điểm ‘A’ và ‘B’ khoảng 1/3 cánh tay từ dưới lên, (khoảng 8-10 cm); 2 điểm này cách nhau 4cm. * Sắp xếp dụng, cụ, vật tư lên săng vô khuẩn * Sát khuẩn vùng cấy bằng dung dịch sát khuẩn, chờ khoảng 2-3 phút * Không đánh dấu quá gần khuỷu tay hoặc nách * Mở bao bì bộ thuốc cấy tránh thai, để 2 nang cấy tránh thai vào bát vô khuẩn * Không để lên bề mặt săng bằng vải để tránh sợi vải dính vào que cấu, gây nhiễm khuẩn và sẹo * Đi găng vô khuẩn * Sát khuẩn vùng cấy, phủ săng vô khuẩn |
| 2 |  | * Tiêm 2-4ml thuốc tê ngay dưới da, đâm kim vào điểm A, di chuyển đến điểm B trong khu vực sẽ cấy que cấy. Xoa nhẹ, chờ trong 2-3 phút |
| 3 |  | * Dùng dao rạch 1 đường nhỏ để đâm trocar dễ hơn và đặt que cấy (có thể không cần rạch) |
|  | 4 |  | * Giữ ống cấy chếch lên để tránh nang cấy rơi ra ngoài, tạo một góc nhỏ, sau đó nâng lên một chút để “căng da” trong khi di chuyển đến điểm đánh dấu thứ 2 trên ống cấy * Không cấy quá sâu: cấyngay dưới da. Nếu bạn cảm thấy lực cản (vướng) đáng kể, hãy dừng ngay lại và thử lại theo hướng khác |
|  | 5 |  | * Khi ống cấy di chuyển đến điểm gần tay cầm nhất, rút pít tông và lắp 1 nang cấy (dùng kẹp vô khuẩn hoặc tay đeo găng vô khuẩn) * Đẩy nhẹ nang cấy vào đầu ống cấy bằng pít tông cho đến khi bạn cảm thấy vướng * Rút ống cấy cho đến điểm đánh dấu gần đầu ống cấy cho đến khi cảm thấy vướng * Không cố gắng đẩy pít tông trong khi cấy |
|  | 6 |  | * Khi bạn có thể nhìn thấy điểm đánh dấu gần đầu mũi của ống cấy, nang cấy đã được giải phóng và sẽ cố định dưới da * Bạn có thể kiểm tra việc này bằng cách sờ nhẹ một đầu que cấy. Trong khi chưa rút ống cấy hoàn toàn, lặp lại các bước để cấy que thứ 2 gần que thứ nhất theo hình chữ V (2 que tạo góc 30o). Cố định vị trí que thứ nhất bằng ngón trỏ bàn tay trái và đấy ống cấy dọc theo ngón tay |
|  | 7 |  | * Bây giờ, bạn và khách hàng nên kiểm tra 2 đầu của nang cấy dưới da. Hai đầu của 2 nang cấy cách nhau khoảng 2mm ở điểm A, và 5mm ở điểm B để giảm nguy cơ bị lệch vị trí * Ép gạc vô khuẩn lên vị trí cấy nếu chảy máu, băng vùng cấy bằng băng ép hoặc băng dính để tránh bị bầm tím nếu cần * Theo dõi khách hàng trong 15-20 phút tại cơ sở cung cấp dịch vụ đề phòng khách hàng bị ngất hoặc chảy máu trước khi ra về |

## Phụ lục 3: Sự cố và cách xử trí

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sự cố** | **Khách hàng cần làm** | **Điều trị/xử trí** |
|  |  |  |
| **Đau, cảm giác nóng, có mủ hoặc đỏ tại vùng tiêm trở nên nghiêm trọng hơn hoặc không giảm đi** | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay | Không tháo que cấy. Cho khách hàng dùng kháng sinh 5-10 ngày. Nếu không khỏi nhiễm khuẩn hoặc bị áp-xe, cần phải tháo mủ, tháo que cấy, cấy que khác hoặc chuyển tuyến |
|  |  |  |
| **Khách hàng nhìn thấy nang cấy thò ra ngoài** | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay. Sử dụng bao cao su cho đến khi được khám tại cơ sở cung cấp dịch vụ | Tháo que cấy; cấy que khác thay thế, điều trị nhiễm khuẩn nếu cần |
|  |  |
| **Khách hàng không sờ thấy nang cấy** | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay. Sử dụng bao cao su cho đến khi được khám tại cơ sở cung cấp dịch vụ | Xem Hướng dẫn của MSI: Xử trí nang cấy khi không sờ thấy nang cấy (Phụ lục 7); Siêu âm hoặc X-quang hoặc chụp cộng hưởng từ có thể xác định vị trí que cấy. Chuyển tuyến nến cần |
|  |  |  |
| **Khách hàng cảm thấy nang cấy bị vỡ, gãy hoặc thay đổi hình dáng** | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay. Sử dụng bao cao su cho đến khi được khám tại cơ sở cung cấp dịch vụ | Tháo que cấy; cấy que khác thay thế |
| **Khách hàng có một trong những dấu hiệu/vấn đề sau:**  **• Ung thư vú**   * **Bệnh gan nặng (ung thư/xơ gan)** * **Bệnh tim mạch, đột quỵ** * **Huyết khối ở chân hoặc phổi** * **Bệnh Lupus ban đỏ, dương tính với kháng thể antiphospholipid (hoặc không xác định)**   **• Đau nửa đầu có tiền triệu** | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay | Tháo que cấy, cung cấp BPTT khác nếu khách hàng mong muốn và không có thai |
|  |  |  |
| **Trọng lượng cơ thể vượt quá 80 kg (hoặc quá 60kg nếu dùng nang cấy tránh thai Jadelle)** | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ càng sớm càng tốt | Xem lại chế độ ăn uống và tư vấn , cân thích hợp. Thay nang cấy khác sau 4 năm đối với que Jadelle, cân nhắc thay nang cấy khác sớm hơn dự kiến. |
|  |  |  |
| **Khách hàng cho rằng cô ấy đang có thai (ví dụ: chậm kinh trong vài tháng với người có chu kỳ kinh đều)** | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay | Làm xét nghiệm thai. Nếu có thai, trao đổi với khách hàng về những sự lựa chọn:   * Nếu khách hàng không muốn giữ thai: thực hiện chấm dứt thai an toàn và không tháo que cấy; * Nếu khách hàng muốn giữ thai: tháo que cấy |
|  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| Khách hàng bị ra máu âm đạo bất thường |  | Đánh giá, loại trừ có thai hoặc bệnh lý khác (ví dụ: nhiễm khuẩn hoặc ung thư). Nếu loại trừ các bệnh khác, động viên khách hàng.  Xử trí tạm thời hiện tượng ra kinh nguyệt không đều hoặc ra máu quá nhiều, cho thuốc giảm đau không steroid (NSAIDs): 800mg ibuprofen hoặc 500mg mefenamic acid x 3 lần/ngày x 5 ngày khi bắt đầu ra máu bất thường  Nếu NSAIDs không có tác dụng, hãy cho viên uống tránh thai kết hợp trong 21 ngày hoặc 3 thang (nếu khách hàng có đủ điều kiện sức khỏe để dùng oestrogen) có chứa 30-35 µg ethinylestradiol (EE). Nếu ra máu nhiều, cân nhắc sử dụng 50 µg EE.  Cho dùng viên sắt và tư vấn chế độ dinh dưỡng giàu chất sắt để phòng thiếu máu |

## Phụ lục 4: Tháo nang cấy tránh thai

**Bảng kiểm dụng cụ, phương tiện tháo**

**Nang cấy tránh thai Các bước tháo que cấy**

* 1 đôi găng vô khuẩn
* Săng vô khuẩn
* Vải sạch
* Ống cấy vô khuẩn, lưỡi dao #11
* 1 kẹp Mosquito đầu cong
* 1 kẹp Mosquito thắng
* 1 kẹp Kelly/Crile (nếu tháo que Jadelle)
* 2 kẹp Kelly/Crile (nếu tháo que Levoplant/Sino-Implant II)
* 1 bát Galipot
* Dung dịch sát khuẩn (ví dụ: Betadin) để sát khuẩn da, và bông
* 2 ml dung dịch gây tê tại chỗ

(tốt nhất là lidocaine 1% không có epinephrine/ adrenaline)

* 1 bơm tiêm vô khuẩn, kim vô khuẩn để tiêm thuốc tê
* Gạc vô khuẩn, băng
* Băng ép, gạc vô khuẩn, băng dính
* Đủ không gian để khách hàng có thể ngồi ở tư thế nửa nằm nửa ngồi thoải mái, có chỗ tựa đầu và cánh tay cao quá đầu hoặc có chỗ để tựa cánh tay

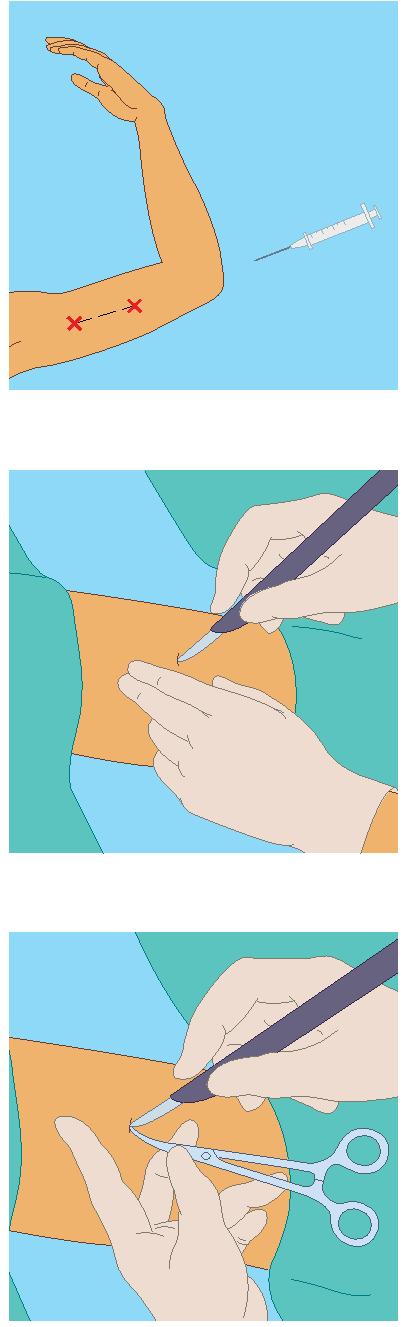
**1**

**B**

**2**

**3**

**A**



Xác định vị trí nang cấy cấy tránh thai



Dùng bút đánh dấu đầu xa của nang cấy (gần khuỷu tay). Đẩy về phía đầu kia của nang cấy có thể làm cho nang cấy sai vị trí

* Sát khuẩn vùng da cấy bằng dung dịch sát khuẩn. Tiêm một lượng nhỏ thuốc tê vào vị trí đầu phía khuỷu tay (phía dưới điểm ‘A’)

 Không tiêm thuốc tê phía trên điểm cấy vì thuốc tê có thể gây khó khăn cho việc tháo nang cấy





Đẩy nhẹ đầu xa của que xuống phía dưới để cố định que trong khi rạch da

Rạch da một đường rạch 4mm gần đầu gần của que, căng da (phía dưới đáy “chữ V” của 2 que cấy)

 Chỉ rạch đường nhỏ



Đẩy nhẹ que về phía vết rạch

* Nếu không thể đẩy que ra khỏi vết rạch, dùng kẹp Mosquito đầu cong (hoặc kẹp Crile/Kelly nếu tháo que Levoplant) để gắp nang cấy khi không nhìn thấy đầu nang cấy trong đường rạch



Dùng lưỡi dao mổ nhẹ nhàng tách mô quanh nang cấy tránh thai

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Lưu ý: Sự khác nhau cơ bản giữa việc tháo nang cấy tránh thai Jadelle và Sino-Implant (II)/Levoplant: Nhà sản xuất khuyến cáo dùng kẹp Mosquito để cố định nang cấy Jadelle tại vùng rạch và kẹp Crile để tháo nang cấy. Nhà sản xuất nang cấy tránh thai Sino-Implant (II)/Levoplant khuyến cáo dùng hẹp 2 Crile/Kelly theo hướng dẫn để giản nguy cơ gẫy/rách nang cấy trong khi tháo*  **Sử dụng bộ dụng cụ cấy/tháo nang cấy tránh thai của MSI để có các dụng cụ và thiết bị với quy cách thích hợp** | 4 |  | * Dùng kẹp Mosquito thẳng để kẹp đầu nang cấy (hoặc kẹp Crile/Kelly nếu tháo nang cấy Levoplant) * Mở chốt kẹp thứ nhất |
| 5 |  | * Dùng kẹp thứ hai giữ 1 đầu que cấy, nhẹ nhàng rút nang cấy ra * Lặp lại quy trình với que thứ 2. Băng vùng cấy. Dùng băng ép để giảm thiểu nguy cơ bị bầm tím vùng cấy |

## Phụ lục 5: Bảng kiểm năng lực người cung cấp dịch vụ

1. **Bảng kiểm đánh giá năng lực**

Họ tên người được đánh giá: ……………………………………………Chức danh: ………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trước thủ thuật** | **Có/**  **Không** | **Nhận xét** |
| 1. Kiểm tra lại thông tin khách hàng, khẳng định khách hàng đã được tư vấn, đã ký giấy tự nguyện sử dụng dịch vụ theo quy định của MSI/của quốc gia |  |  |
| 1. \* Hỏi chi tiết tiền sử liên quan theo hướng dẫn của MSI và khẳng định khách hàng phù hợp với thuốc cấy tránh thai bằng cách kiểm tra:  * Hiện tại khách hàng không có thai hoặc có nguy cơ có thai – sử dụng bảng kiểm sàng lọc khách hàng trong hướng dẫn * Không có tiền sử ra máu âm đạo bất thường * Chưa từng bị bệnh gan nặng (vàng mắt, vàng da) cần điều trị * Chưa từng bị ung thư vú * Chưa từng bị huyết khối ở chân hoặc phổi * Chưa từng bị bệnh hệ thống (ví dụ: lupus |  |  |
| 1. Đảm bảo có trang thiết bị cần thiết, dụng cụ được xử lý và vật tư sẵn sàng |  |  |
| **Trong khi làm thủ thuật** |  | **Nhận xét** |
| 1. \* Đảm bảo bộ dụng cụ cấy thuốc trong bao bì nguyên vẹn, còn hạn sử dụng |  |  |
| 1. Đánh dấu các điểm để cấy phù hợp |  |  |
| 1. \* Sát khuẩn vùng cấy bằng dung dịch sát khuẩn, chờ cho khô |  |  |
| 1. \* Đậy săng vô khuẩn lên vùng cấy |  |  |
| 1. \* Lấy thuốc tê, tiêm gây tê đúng kỹ thuật, chờ 2 phút trước khi kiểm tra tác dụng của thuốc tê |  |  |
| 1. **Sử dụng kỹ thuật vô khuẩn, cấy nang cấy đúng kỹ thuật (đặt ống cấy ở góc 20-30o, căng da, cấy nhẹ nhàng, rút ống cấy)** |  |  |
| 1. Kiểm tra nang cấy để khẳng định nang cấy ở đúng vị trí, yêu cầu khách hàng tự kiểm tra |  |  |
| 1. \* Băng vùng cấy bằng băng vô khuẩn |  |  |
| **Sau khi làm thủ thuật** |  | **Nhận xét** |
| 1. \* Đánh giá nhu cầu, cho dùng thuốc giảm đau luôn tuân thủ hướng dẫn của MSI |  |  |
| 1. \* Tuân thủ nguyên tắc dự phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn của MSI (xử lý chất thải…) |  |  |
| 1. Hoàn thành hồ sơ khách hàng, gồm  * Tiền sử bệnh tật liên quan, kết quả khám thực thể, * Ghi chép về thủ thuật, bao gồm ngày cấy, vị trí cấy, loại nang cấy tránh thai, khoảng thời gian có tác dụng tránh thai, số lô, ngày hết hạn |  |  |
| 1. Hoàn thành phiếu cấy thuốc tránh thai để đưa cho khách hàng |  |  |
| 1. \* Khẳng định khách hàng hiểu những hướng dẫn sau thủ thuật, dấu hiệu cảnh báo, thời gian có tác dụng tránh thai; thông tin liên lạc cần thiết. |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kết quả Đánh giá Năng lực Người cung cấp Dịch vụ**  **\* Đính kèm Bảng kiểm Đánh giá Năng lực nếu NCCDV bị xếp loại 2/3** | | |
| **Dịch vụ đã được đánh giá: Cấy thuốc tránh thai** | **Đánh dấu vào nội dung thích hợp** |
| |  |  | | --- | --- | | **Loại 1** |  |  * NCCDV hoàn thành chính xác tất cả các bước. * Có khả năng cung cấp dịch vụ này một cách độc lập, nên được đánh giá lại thường xuyên |  |
| **Loại 2 \***   * NCCDV đã hoàn thành chính xác các bước in đậm nhưng bỏ qua ít nhất một bước khác. * Không có khả năng cung cấp dịch vụ này một cách độc lập. Chỉ được phép cung cấp dịch vụ này dưới sự giám sát trực tiếp của cán bộ lâm sàng có năng lực cho đến khi được cán bộ lâm sàng có năng lực xác định là có đủ khả năng lực. |  |
| **Loại 3 \***   * Bỏ qua ít nhất một bước in đậm. * Không có khả năng cung cấp dịch vụ này. Cần phải được huấn luyện bởi huấn luyện viên có năng lực tại cơ sở đào tạo. |  |
| Các quan sát/nhận xét khác: | | |
| Hành động cụ thể cần thực hiện để đạt được/duy trì năng lực: | | |
| Họ tên nhân viên được đánh giá: | Chữ ký: |
| Họ tên người đánh giá: | Chữ ký |
| Ngày đánh giá: | Địa điểm đánh giá: |

1. **Bảng kiểm đánh giá năng lực NCCDV: Tháo nang cấy tránh thai**

Họ tên người được đánh giá: ……………………………………………Chức danh: ………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trước thủ thuật** | **Có thực hiện/không thực hiện/không áp dụng** | **Nhận xét** |
| 1. Kiểm tra lại thông tin khách hàng, hỏi lý do tháo, khẳng định khách hàng đã được tư vấn, khách hàng đã ký giấy cam đoan tự nguyện tháo nang cấy tránh thai theo quy định của MSI/của quốc gia |  |  |
| 1. Hoàn thành việc khai thác tiền sử liên quan và khám thực thể theo hướng dẫn của MS |  |  |
| 1. Đảm bảo có trang thiết bị cần thiết, dụng cụ được xử lý và vật tư sẵn sàng |  |  |
| **Tháo nang cấy tránh thai** | **Có thực hiện/không thực hiện/không áp dụng** | **Nhận xét** |
| 1. Xác định vị trí nang cấy tránh thai |  |  |
| 1. \* Thực hiện các bước như trong sơ đồ hướng dẫn xử trí khi không xác định được nang cấy tránh thai của MSI |  |  |
| 1. Dùng bút đánh dấu điểm đầu của nang cấy tránh thai gần khuỷu tay nhất |  |  |
| 1. \* Sát khuẩn vùng cấy bằng dung dịch sát khuẩn, chờ cho khô |  |  |
| 1. \* Phủ săng vô khuẩn lên vùng cấy |  |  |
| 1. \* Lấy thuốc tê, tiêm đúng kỹ thuật, chờ 2 phút trước khi kiểm tra tác dụng của thuốc tê |  |  |
| 1. **Tháo nang cấy** **đúng kỹ thuật** |  |  |
| 1. \* Băng vùng cấy bằng băng vô khuẩn |  |  |
| 1. Cung cấp BPTT khác nếu khách hàng yêu cầu, có đủ điều kiện sức khỏe hoặc chuyển tuyến thích hợp |  |  |
| 1. \* Luôn đánh giá nhu cầu, thực hiện biện pháp giảm đau cho khách hàng theo hướng dẫn của MSI |  |  |
| 1. \* Luôn tuân thủ nguyên tắc phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn của MSI |  |  |
| 1. Hoàn thành hồ sơ khách hàng, gồm  * Tiền sử bệnh tật liên quan, kết quả khám thực thể, * Ghi chép về việc tháo nang cấy bao gồm sự cố (nếu có) |  |  |
| 1. \* Khẳng định khách hàng hiểu những hướng dẫn sau thủ thuật, đặc biệt các dấu hiệu cảnh báo; đảm bảo khách hàng có thông tin liên lạc cần thiết của cơ sở cấp cứu liên quan đến dịch vụ |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kết quả Đánh giá Năng lực Người cung cấp Dịch vụ**  **\* Đính kèm Bảng kiểm Đánh giá Năng lực nếu NCCDV bị xếp loại 2/3** | | |
| **Dịch vụ đã được đánh giá: Tháo nang cấy tránh thai** | **Đánh dấu vào nội dung thích hợp** |
| |  |  | | --- | --- | | **Loại 1** |  |  * NCCDV hoàn thành chính xác tất cả các bước. * Có khả năng cung cấp dịch vụ này một cách độc lập, nên được đánh giá lại thường xuyên |  |
| **Loại 2 \***   * NCCDV đã hoàn thành chính xác các bước in đậm nhưng bỏ qua ít nhất một bước khác. * Không có khả năng cung cấp dịch vụ này một cách độc lập. Chỉ được phép cung cấp dịch vụ này dưới sự giám sát trực tiếp của cán bộ lâm sàng có năng lực cho đến khi được cán bộ lâm sàng có năng lực xác định là có đủ khả năng lực. |  |
| **Loại 3 \***   * Bỏ qua ít nhất một bước in đậm. * Không có khả năng cung cấp dịch vụ này. Cần phải được huấn luyện bởi huấn luyện viên có năng lực tại cơ sở đào tạo. |  |
| Các quan sát/nhận xét khác: | | |
| Hành động cụ thể cần thực hiện để đạt được/duy trì năng lực: | | |
| Họ tên nhân viên được đánh giá: | Chữ ký: |
| Họ tên người đánh giá: | Chữ ký |
| Ngày đánh giá: | Địa điểm đánh giá: |

## Phụ lục 6: Danh mục trang thiết bị và dụng cụ

Bảng kiểm trang thiết bị, dụng cụ và vật tư dùng cho cấy và tháo nang cấy tránh thai

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trang thiết bị, dụng cụ** | **Cấy** | **Tháo** |
| **Trang thiết bị (có thể dùng nhiều lần)** |  |  |
| Đèn chiếu sáng (nếu ánh sáng tự nhiên trong cơ sở cung cấp dịch vụ không đáp ứng yêu cầu | x | x |
| Khay đựng dụng cụ sạch | x | x |
| Cốc, bát hoặc bát gallipot | x | x |
| Kẹp bông sát khuẩn | x | x |
| Kẹp Mosquito đầu cong |  | x |
| Kẹp Mosquito đầu thẳng |  | x |
| Kẹp Crile/Kelly – đầu thẳng và đầu cong nếu dùng cho thuốc cấy tránh thai Levoplant/Jadelle/Sino- Implant II |  | x |
| **Vật tư tiêu hao, phương tiện** | | | |
| Nang cấy tránh thai | x |  |
| Nước, xà phòng | x | x |
| Khăn lau nhỏ | x | X |
| Cồn xát khuẩn tay | x | X |
| Săng nhỏ, sạch dùng cho thủ thuật | x | X |
| Săng vô khuẩn có lỗ dùng cho thủ thuật | X | X |
| 1 đôi găng tay vô khuẩn | X | X |
| Dung dịch sát khuẩn (ví dụ: cồn I ốt) | X | X |
| Thuốc gây tê (lidocaine 1% không có epinephrine/adrenaline) | X | X |
| Nước vô khuẩn để pha lidocaine 2% | X | X |
| Bơm tiêm 5ml, kim tiêm | x | X |
| ống cấy # 10 (nếu cần) | X |  |
| Dao mổ |  | X |
| Gạc vô khuẩn | x | X |
| Băng ép | x | X |
| Băng để băng cánh tay | X | x |
| Hộp đựng dụng cụ, phương tiện cấp cứu |  |  |

Sử dụng bộ dụng cụ cấy/tháo nang cấy tránh thai do Đội Mua sắm và Cung ứng Toàn cầu của MSI cung cấp

Tham khảo Danh mục các Sản phẩm Thiết yếu để biết chi tiết sản phẩm.

## Phụ lục 7: Sơ đồ xử trí các trường hợp không tìm thấy nang cấy

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | | Loại trừ có thai và khuyến cáo BPTT hỗ trợ | | |  | |  |  |
|  |  |  | |  | | |  | |  |  |
|  |  | Quyết định loại nang cấy, vị trí cấy (nếu có thể) dựa trên hồ sơ khám lâm sàng | | | | | | |  |  |
|  |  |  | |  | | |  | |  |  |
|  | * Xác định vị trí nang cấy bằng X-quang hoặc siêu âm (xem bảng dưới đây) hoặc * Chuyển tuyến thích hợp để tìm kiếm nang cấy, hoặc * Chuyển tuyến để khám thêm (CT, cộng hưởng từ MRI hoặc xét nghiệm máu) và xử trí thích hợp | | | | | | | | |  |
|  |  | |  |  | | |  |  | |  |
| Xác định được vị trí nang cấy bằng X-quang hoặc siêu âm | | |  |  | | |  | KHÔNG xác định được vị trí nang cấy bằng X-quang hoặc siêu âm | | |
|  |  | |  |  | | |  |  | |  |
| Cố gắng tháo nang cấy nếu có thể | | |  |  | | |  | Chuyển tuyến trên | | |
|  |  | |  |  | | |  |  | |  |
| Tháo nang cấy nếu nang cấy K**HÔNG** chìm trong cơ hoặc gần bó mạch   * Xử trí bệnh nhân ngoại trú * Xử dụng thuốc tê * Hướng dẫn đi siêu âm có hoặc không có tuyến tính cao tần | | | | |  | Tháo nang cấy nếu nang cấy **CHÌM SÂU** trong cơ hoặc gần bó mạch   * Chuyển tuyến nếu cần * **Chỉ nên tháo nang cấy do bác sĩ ngoại khoa có kinh nghiệm và kiến thức về giải phẫu cánh tay thực hiện**   + Yêu cầu: có phòng mổ   + Nên sử dụng hướng dẫn siêu âm cao tần   + Sử dụng thuốc mê nếu cần | | | | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại nang cấy tránh thai** | **X quang** | **Siêu âm** | **CT** | **MRI** | **Huyết tương dương tính với ENG/LNG** |
| Implanon | Không | Có | Không | Có | Có |
| Implanon NXT | Có | Có | Có | Có | Có |
| Jadelle | Có | Có | Có | Có | Có |
| Lovoplant/Sinoplant | Có | Có | Có | Có | Có |

*Nguồn: Trường Cao đẳng Sản Phụ khoa Hoa Kỳ (2016)*

## Phụ lục 8: Mẫu Thẻ khách hàng

|  |  |
| --- | --- |
|  | Đánh dấu vị trí cấy nang tránh thai trên hình vẽ  Tay phải:  Tay trái: |
| Họ tên khách hàng: ………………………………………………………  Cơ sở cung cấp dịch vụ: ………………………………………………….  Loại nang cấy tránh thai:………………………………………………….  Ngày cấy: …………………………………………………………………  Người thực hiện: …………………………………………………………  Ngày tháo hoặc cấy lại: tháng ………. năm……….  Địa chỉ liên hệ khi cần: (tên cơ sở cung cấp dịch vụ)……………………  …………………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………. | |

# Tài liệu tham khảo,

|  |  |
| --- | --- |
| * Clinton Health Access, Case Study: Expanding global access to contraceptive implants (https://clintonhealthaccess.org/content/uploads/2015/08/Case-Study\_LARC.pdf) | Quỹ Sáng kiến Tiếp cận Y tế Clinton, Nghiên cứu trường hợp: Tăng cường tiếp cận toàn cầu với thuốc cấy tránh thai”  (https://clintonhealthaccess.org/content/uploads/2015/08/Case-Study\_LARC.pdf) |
| * USAID, Long-Acting Reversible Contraceptives Learning Package. May 2017 (https://www.mcsprogram.org/ resource/providing-long-acting-reversible-contraception-larc-learning-resource-package/) | Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa kỳ (USAID), Bộ Tài liệu hướng dẫn cung cấp dịch vụ tránh thai dài hạn có hồi phục. Tháng 5 năm 2017  (https://www.mcsprogram.org/ resource/providing-long-acting-reversible-contraception-larc-learning-resource-package/) |
| * Faculty of Sexual & Reproductive Healthcare Clinical Guidance – progestogen-only implants, Feb 2014 | Bộ môn Hướng dẫn lâm sàng về chăm sóc SKSS/SKTD- Thuốc cấy tránh thai chỉ có Progestogen, Tháng 2 năm 2014 |
| * Faculty of Sexual & Reproductive Healthcare Clinical Guidance – contraceptive choices for young people, March 2010 | Bộ môn Hướng dẫn lâm sàng về chăm sóc SKSS/SKTD – Các BPTT cho giới trẻ, tháng 3 năm 2010 |
| * Faculty of Sexual & Reproductive Healthcare – The UK Medical Eligibility Criteria for Contraceptive Use (UKMEC), 2016 | Bộ môn Hướng dẫn lâm sàng về chăm sóc SKSS/SKTD - Các tiêu chuẩn y tế để sử dụng BPTT (Anh) |
| * FHI360, Sino-implant (II) project, 2013 (https://www.fhi360.org/sites/default/files/media/documents/FHI\_ Factsheet\_Sino-implant\_Oct2013\_english.pdf) | FHI360, Dự án thuốc cấy tránh thai Sino-Implant II, năm 2013  (https://www.fhi360.org/sites/default/files/media/documents/FHI\_ Factsheet\_Sino-implant\_Oct2013\_english.pdf) |
| * FHI360, Sino-implant (II)/Levoplant Overview, 2018 (https://www.fhi360.org/sites/default/files/media/documents/ resource-sino-levoplant-english.pdf) | FHI360, Tổng quan về thuốc cấy tránh thai Sino-implant (II)/Levoplant, 2018  (https://www.fhi360.org/sites/default/files/media/documents/ resource-sino-levoplant-english.pdf) |
| * WHO, Family Planning A Global Handbook for Providers, 2018 (http://www.who.int/reproductivehealth/ publications/fp-global-handbook/en/) | Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Hướng dẫn Toàn cầu về Kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) dành cho người cung cấp dịch vụ  (http://www.who.int/reproductivehealth/ publications/fp-global-handbook/en/) |
| * Medical eligibility criteria for contraceptive use, Fifth edition 2015) http://www.who.int/reproductivehealth/ publications/family\_planning/Ex-Summ-MEC-5/en/) | Các tiêu chuẩn y tế để sử dụng BPTT, tái bản lần 5, 2015  http://www.who.int/reproductivehealth/ publications/family\_planning/Ex-Summ-MEC-5/en/) |
| * Implanon NXT: Product Information, 2016 (https://secure.healthlinks.net.au/content/msd/ pi.cfm?product=mkpimnxt) | Implanon NXT: Thông tin Sản phẩm, 2016  (https://secure.healthlinks.net.au/content/msd/ pi.cfm?product=mkpimnxt) |
| * WHOPAR part 4, Etonogestrel 68mg Implant (NXT) (N.V. Organon) RH036, Summary of Product Characteristics, August 2015 | WHOPAR phần 4, Thuốc cấy tránh thai Etonogestrel 68mg (NXT) (N.V. Organon) RH036, Tóm tắt Đặc tính Sản phẩm, tháng 8 năm 2015 |
| * Summary of Product Characteristics – Nexplanon, Nov 2016 (www.medicines.org.uk/emc/medicine/23824/SPC/ Nexplanon+68+mg+implant+for+subdermal+use/) | (Tóm tắt Đặc tính Sản phẩm – Nexplanon, tháng 11 năm 2016  www.medicines.org.uk/emc/medicine/23824/SPC/ Nexplanon+68+mg+implant+for+subdermal+use/) |
| * Nexplanon, ‘Clinical Information and Training Workshop intended for Healthcare Professionals’, PowerPoint presentation provided by Merck, 2013 | Nexplanon, ‘Thông tin Lâm sàng và Hội thảo Tập huấn” dành cho người cung cấp dịch vụ’, bài trình bày trên PowerPoint, Merck, 2013 |
| * Jadelle Information Material, Feb 2018 (http://www.jadelle.com/en/information-material/downloads/) | Tài liệu Thông tin Sản phẩm, Thuốc cấy tránh thai Jadelle, tháng 2 năm 2018 (http://www.jadelle.com/en/information-material/downloads/) |
| * Jadelle insertion and removal (Animation), 2016 <https://www.youtube.com/watch?v=ulwqXxqgHq4> | Cấy và tháo nang cấy tránh thai Jadelle (Hoạt hình), 2016  <https://www.youtube.com/watch?v=ulwqXxqgHq4> |
| * New Zealand Consumer Medicine Information – Jadelle, 2015 (www.medsafe. govt.nz/consumers/cmi/j/jadelle.pdf ) | Thông tin Y tế về Người tiêu dùng New Zealand– Jadelle, 2015  (www.medsafe. govt.nz/consumers/cmi/j/jadelle.pdf ) |
| * WHOPAR part 4, Levonorgestrel 75mg, implant sine inserter (Bayer Oy), RH017, Summary of Product Characteristics (Jadelle), July 2016 (https://extranet.who.int/prequal/sites/default/files/RH017part4v2.pdf) | WHOPAR phần 4, Levonorgestrel 75mg, người thực hiện (Bayer Oy), RH017, Tóm tắt đặc tính sản phẩm (Jadelle), tháng 7 năm 2016 (https://extranet.who.int/prequal/sites/default/files/RH017part4v2.pdf) |
| * WHOPAR part 4, Sino-Implant (II): Levonorgestrel 75mg, implant (Shanghai Dahua Pharmaceutical Co. Ltd), RH028. Summary of Product Characteristics, July 2017 (https://extranet.who.int/prequal/sites/default/files/ RH028part4v1.pdf) | WHOPAR phần 4, Sino-Implant (II): Levonorgestrel 75mg, thuốc cấy tránh thai (Công ty TNHH Dược phẩm Thượng hải), RH028. Tóm tắt đặc tính sản phẩm, tháng 7 năm 2017 (https://extranet.who.int/prequal/sites/default/files/ RH028part4v1.pdf) |
| * k4Health, Implants Toolkit: Levoplant Introduction Guide, 2018 (https://www.k4health.org/toolkits/implants/ levoplant-introduction-guide) | k4Health, Bộ công cụ Cấy thuốc tránh thai: Hướng dẫn cung cấp dịch vụ Levoplant, 2018 (https://www.k4health.org/toolkits/implants/ levoplant-introduction-guide) |
| * WomanCare Global, A Company of dkt International, Introduction to Levoplant PotwerPoint | WomanCare Global, Công ty của DKT quốc tế, bài trình bày về Levoplant trên PowerPoint |
| * DKT International Press Release: DKT and Dahua Partner to Increase Access to Implants, Washington, DC, February 13, 2018 (https://www.dktinternational.org/resources/press-releases/) | Thông cáo báo chí của DKT Quốc tế: DKT và Đối tác Dahua nhằm tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thuốc cấy tránh thai, Washington, DC, ngày 13 tháng 2 năm 2018 (https://www.dktinternational.org/resources/press-releases/) |
| * Reproductive Health Supplies Coalition, Contraceptive Implants, 2012 (www.path.org/publications/files/RHSC\_ implants\_br.pdf ) | Hiệp hội Cung ứng Dịch vụ SKSS, Thuốc cấy tránh thai, 2012 (www.path.org/publications/files/RHSC\_ implants\_br.pdf ) |
| * K4H, Implants Toolkit, 2018 (https://www.k4health.org/toolkits/implants) | K4H, Bộ công cụ cung cấp dịch vụ thuốc cấy tránh thai, 2018 (https://www.k4health.org/toolkits/implants) |
| * American College of Obstetricians and Gynecologists, Clinical Challenges of Long-Acting Reversible Contraceptive Methods. Committee Opinion: Number 672, September 2016 | Trường Cao đẳng Sản Phụ khoa Hoa kỳ, Thách thức Lâm sàng của các BPTT dài hạn có hồi phục. Ý kiến của Hội đồng: Số 672, tháng 9 năm 2016 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Marie Stopes** | **T** +44 (0)20 7636 6200 | **Số đăng ký tổ chức từ thiện.** |
| **International** | **F** +44 (0)20 7034 2369 | 265543 |
| 1 Conway Street |  |  |
| Fitzroy Square | info@mariestopes.org | Mã số tổ chức |
| London W1T 6LP | www.mariestopes.org | 1102208 |
| United Kingdom |  |  |